

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DSST
Ngày: 14/8/2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
hợp tác*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Hưng

Ông Nguyễn Bá Viện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Thư ký TAND thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị thủy - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc: kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-DS ngày 24/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Ứ, Hà Nội.

Anh S ủy quyền cho ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1971. Có mặt

Địa chỉ: Khu T, phường K, thành phố B, Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: Khu phố T, phường G, thị xã T, Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa anh và anh Nguyễn Đăng H có quan hệ quen biết và hai bên có chung vốn mở cửa hàng kinh doanh quần áo từ năm 2015 đến cuối năm 2019 đầu năm 2020 thì hai bên dừng việc kinh doanh và có chốt sổ sách kế toán. Kế toán có báo cáo công nợ cho hai bên bằng giấy không xác nhận qua gmail.

Theo báo cáo công nợ anh H còn nợ anh số tiền là 608.978.500đ bao gồm:

Thu nợ của khách hàng là 430.978.500đ;

Tiền xe ô tô mua chung anh **H** lấy lại là 150.000.000đ;

T thuê nhà còn là 28.000.000đ.

Báo cáo chốt công nợ hai bên không ký nhận với nhau mà anh chỉ gửi **Z** cho **H**.

Số tiền chốt công nợ ngày 24/6/2020 tổng số tiền anh **H** còn nợ là 1.009.293.000đ. Đến ngày 01/7/2021 giữa anh và anh **H** có gặp nhau và chốt công nợ anh **H** còn nợ số tiền 608.978.500đ. Khi chốt chỉ chốt bằng miệng và anh có gửi bản mềm qua Zalo cho **H** nhưng hiện nay không còn lưu giữ.

Anh lấy hàng của anh **H** số tiền là 38.755.000đ. Số tiền anh **H** còn lại phải trả anh là 570.223.500đ.

Nay anh yêu cầu anh **H** phải trả anh số tiền 570.223.500đ. Anh không yêu cầu tính lãi.

Phía bị đơn anh Nguyễn Đăng H trình bày: Giữa anh và anh Nguyễn Văn S có quan hệ quen biết và hai bên có chung vốn mở cửa hàng kinh doanh quần áo từ năm 2015 đến cuối năm 2019 thì hai bên dừng việc kinh doanh và có chốt sổ sách kế toán. Ngày 24/6/2020 anh S gửi cho anh bảng đối chiếu công nợ (gửi từ gmail của anh S là vanson5011@gmail.com tài khoản gmail của anh là nguyenhung88kd@gmail.com

Theo bảng đối chiếu công nợ thì hiện tại anh còn nợ lại anh S tổng số tiền là 139.245.000đ gồm tiền xe ô tô anh lấy lại là 150.000.000đ, tiền nhà 4 tháng còn lại là 28.000.000đ. Tổng là 178.000.000đ trừ tiền hàng anh S lấy của anh sau khi chia cửa hàng là 38.755.000đ.

Nay anh S yêu cầu anh phải thanh toán số tiền 608.978.500đ anh không nhất trí vì quá trình anh S nhắn tin đòi anh số tiền anh có bảo để anh check lại. Anh xác định chỉ còn nợ anh S số tiền 139.245.000đ.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Anh Nghĩa người đại diện theo ủy quyền của anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh Nguyễn Đăng H phải trả cho anh S số tiền 570.223.500đ. Anh S không yêu cầu tính lãi.

Anh Nguyễn Đăng H trình bày: Anh không nhất trí với số tiền anh S yêu cầu. Anh xác định có nợ anh S nhưng số tiền là 139.245.000đ. Do đó anh xác định chỉ còn nợ anh S số tiền 139.245.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS; Điều 504, 512 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S. Buộc anh H phải trả anh S số tiền 570.223.500đ.

+ Anh H phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Anh Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đăng H ở khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền 608.978.500đ nên Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo các lời khai tại Tòa án và tại phiên toà hôm nay thì giữa anh S và anh H có thỏa thuận hợp đồng miệng về việc giữa anh S và anh H chung vốn kinh doanh cửa hàng quần áo từ năm 2015 đến cuối năm 2019 thì chấm dứt và hai bên chốt đối chiếu công nợ do đó Toà án thay đổi quan hệ tranh chấp sang “Tranh chấp hợp đồng hợp tác” quy định tại khoản 3 Điều 26 là đúng pháp luật quy định.

[2] Nội dung vụ án:

Giữa anh S và anh H có quan hệ quen biết và hai bên có chung vốn mở cửa hàng kinh doanh quần áo từ năm 2015 đến cuối năm 2019 thì hai bên dừng việc kinh doanh và có chốt sổ sách kế toán. Ngày 24/6/2020 anh S gửi cho anh H1 bảng đối chiếu công nợ (gửi từ gmail của anh S là vanson5011@gmail.com tài khoản gmail của anh là nguyenhung88kd@gmail.com Theo anh S thì sau khi chốt công nợ anh H còn nợ anh S số tiền 608.978.500đ và nhiều lần anh S đã nhắn tin trên Zalo cho anh H. Anh H cho rằng sau khi chốt công nợ hai bên đã thanh toán xong tiền hàng cho nhau và hiện tại anh chỉ còn nợ anh S số tiền là 139.245.000đ gồm tiền xe ô tô anh lấy lại là 150.000.000đ, tiền nhà 4 tháng còn lại là 28.000.000đ. Tổng là 178.000.000đ trừ tiền hàng anh S lấy của anh sau khi chia cửa hàng là 38.755.000đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa anh S và anh H từ năm 2015 đến cuối năm 2019 có chung tiền mở cửa hàng kinh doanh hàng quần áo. Theo bảng đối chiếu công nợ anh S gửi cho anh H ngày 24/6/2020 và anh H cung cấp cho Tòa án thì anh H còn nợ lại anh S tiền thu công nợ là 870.048.000đ; tiền nợ chi phí 139.245.000đ. Tổng cộng 1.009.293.000đ.

Theo trao đổi tin nhắn Zalo giữa anh S và anh H đã được lập Vi bằng ngày 128/2024/VB-TPLBG ngày 27/3/2024 thì giữa anh S và anh H vẫn chưa thống nhất chốt công nợ thể hiện: Ngày 05/02/2021 anh S nhắn cho anh H để chốt sổ. Ngày 09/3/2021 anh S nhắn “Sang tháng 3 rồi. chốt sổ đi ông ơi”. Anh H trả lời “Ok để hôm nào tôi về nhé”. Ngày 01/7/2021 giữa anh S và anh H đã chốt công nợ và anh H gửi file cho anh S nhưng file chốt công nợ không thể hiện số tiền cụ thể nhưng anh H chỉ hỏi lại khoản tiền nhà.

Ngày 06/5/2023 anh S gửi cho H bảng kê công nợ thu được của khách chốt đến ngày 01/7/2021 xác nhận H còn nợ S 608.978.500đ. Anh H có nhắn lại “*Oh tiền nhà nào vậy. Tôi vs ông chốt làm gì có khoản nào. Tôi là người đóng tiền nhà*”. S nhắn “*Vậy t cứ chốt là ông đang nợ t là 608.970.500. Còn tiền nhà kia ông hỏi lại với bác xem có đúng không. Nếu bác bảo không đúng thì t gạt cái đó ra*”. H nhắn: “*Oki ô*”.

Ngoài ra, nhiều lần anh S nhắn đòi anh H số tiền 608.978.500đ nhưng anh H cũng không có ý kiến phản đối gì số tiền còn nợ mà chỉ thắc mắc khoản tiền thuê nhà số tiền 28.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án anh H công nhận còn nợ anh S khoản tiền thuê nhà số tiền 28.000.000đ, tiền lấy lại xe ô tô số tiền 150.000.000đ. Anh S cũng công nhận chưa trừ khoản tiền anh lấy hàng của anh H số tiền 38.755.000đ.

Quá trình giải quyết anh H chỉ thừa nhận còn nợ lại anh S số tiền 139.245.000đ. Còn lại số tiền 430.978.500đ anh H không thừa nhận và cho rằng đã thanh toán cho S xong khi phân chia công nợ. Ngày 13/5/2024 Toà án nhân dân thị xã Thuận Thành đã có Quyết định số 26/2024/QĐ-CCTLCC về yêu cầu anh H cung cấp các tài liệu chứng cứ đã thanh toán cho anh S nhưng anh H cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ đã thanh toán xong công nợ với anh S. Mặt khác, quá trình trao đổi tin nhắn giữa anh S và anh H thì anh H cũng không có phản đối gì đối với tổng số tiền nợ là 608.978.500đ và còn đề nghị anh S chuyển số tài khoản mỗi tháng sẽ thanh toán từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ.

Như vậy, giữa anh S và anh H có kinh doanh chung cửa hàng mua bán quần áo và theo số liệu chốt công nợ anh S gửi cho anh H ngày 24/6/2020 thì anh H còn nợ lại anh S tổng cộng số tiền 1.009.293.000đ gồm tiền thu công nợ là 870.048.000đ; tiền nợ chi phí 139.245.000đ. Ngày 01/7/2021 thì giữa anh S và anh H có chốt công nợ thì anh H còn nợ lại anh S số tiền 608.970.500đ. Anh S đã nhiều lần nhắn tin đòi anh H nhưng anh H cũng không có ý kiến phản đối gì đối với khoản công nợ trên. Mặt khác, quá trình giải quyết anh H cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh anh đã thanh toán cho anh S và không còn nợ lại anh S số tiền trên. Quá trình giải quyết vụ án anh S thừa nhận chưa trả anh H tiền hàng số tiền là 38.755.000đ tiền hàng. Sau khi trừ tiền hàng thì anh H còn nợ lại anh S số tiền là 570.223.500đ. Do đó, anh S khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh H phải trả anh S số tiền 570.223.500đ là có căn cứ.

Quá trình giải quyết anh S không yêu cầu anh H phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S buộc anh Nguyễn Đăng H phải có trách nhiệm trả anh S số tiền 570.223.500đ là có căn cứ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên anh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 504, Điều 512 Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S: Buộc anh Nguyễn Đăng H phải trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền 570.223.500đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đăng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 26.808.900đ.

Hoàn trả anh Nguyễn Văn S số tiền 14.180.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0003330 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND thị xã Thuận Thành;
- Chi cục THADS thị xã Thuận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**Ngô Xuân Phong
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Xuân Phong

Phạm Công Hưng – Nguyễn Bá Viện